

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẠC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HSST
Ngày 13/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẠC, TỈNH THANH HÓA**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê X Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Minh.

Ông Bùi Văn Lâm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Trọng H là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện NL.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Hồng Ngoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 31/2020/HSST ngày 19 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/HSST-QĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

H Văn X - Sinh ngày 19/6/1979 tại xã NẤ, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn NB, xã NẤ, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H Văn T và bà Phạm Thị H; vợ: Lương Thị D - Sinh năm 1987; con: Có 02 con lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 107-QĐ/UBKTHU ngày 01/4/2020 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy NL. Bị bắt tạm giam từ ngày 08/9/2020 tại Trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa, (Bị cáo có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo H Văn X:

- Ông Lê Như T - Luật sư, thuộc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Năm Châu - Đoàn Luật sư Thanh Hóa. (Có mặt)

- Ông Bùi Hữu N - Luật sư, thuộc văn phòng Luật sư Bùi Hữu Nghĩa - Đoàn Luật sư Thanh Hóa. (Có mặt)

2.2. Người bị hại: Anh Ngô Văn T - Sinh năm 1963 và chị Phạm Thị D - Sinh năm 1967. Cùng trú tại: Khu phố 7, thị trấn HX, huyện QH, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt)

2.3. Người làm chứng:

- Chị H Thị H - Sinh năm 1968. Trú tại: Khu phố 5, thị trấn HX, huyện QH, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt).

- Anh Ngô X T - Sinh năm 1989 và chị Ngô Thị D - Sinh năm 1992. Cùng trú tại: Khu phố 7, thị trấn HX, huyện QH, Thanh Hóa. (Có mặt anh Thắng, vắng mặt chị D).

- Chị Ngân Thị L - Sinh năm 1981. Trú tại: Thôn QY, xã ĐC, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt).

- Chị Lương Thị D - Sinh năm 1987, anh Bùi Ngọc V - Sinh năm 1960, anh Lê Tiến H - Sinh năm 1979 và anh Lê Văn L. Cùng trú tại: Thôn NB, xã NÁ, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt).

- Ông Đoàn Duy G và ông Nguyễn Mạnh H – Điều tra viên Công an huyện NL. (Có mặt).

NỘI D VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ quan hệ quen biết, nên qua điện thoại chị Ngân Thị L nghe H Văn X nói có nhiều mối quan hệ, có thể xin được việc làm ngành Y tế học đường tại các trường học trên địa bàn huyện NL, với chi phí 180.000.000 đồng, nếu Lan giới thiệu, sẽ được hưởng phần trăm hoa hồng. Biết chị H Thị H là chị dâu của mình đang muốn xin việc cho cháu trai là H Văn Đ, tốt nghiệp Trường Trung cấp y Văn Hiến, chị L đã cho chị H số điện thoại của H Văn X, để chị H gọi điện thoại trực tiếp trao đổi với X, nhờ xin việc cho cháu Điều, qua trao đổi X đồng ý nhận lời.

Ngày 07/5/2020 chị H cùng chồng là Ngân Hồng Quân và chị Ngân Thị L đi xe mô tô đến ngã Ba Si, huyện NL chờ một lúc thì X đi xe mô tô đến đón và dẫn đường về nh X. Đến nh hai bên trao đổi tại phòng khách, X hứa khoảng vài tháng sau Điều sẽ có việc làm tại một trường học nào đó trên địa bàn huyện NL, chị H giao cho X một bộ hồ sơ xin việc của H Văn Điều, cùng với số tiền 100.000.000 đồng, X bảo vợ là Lương Thị D viết giấy nhận tiền dưới hình thức giấy vay tiền để giải quyết công việc gia đình. Không xin được việc làm cho cháu Điều chị H nhiều lần đòi lại tiền, nên X đã trả lại cho chị H 30.000.000 đồng; còn lại 70.000.000 đồng. Ngày 24/11/2016 X viết giấy hẹn đến 30/4/2017 sẽ trả hết, nhưng X không thực hiện. Ngày 27/06/2019 chị H làm đơn tố cáo gửi đến Công an huyện NL. Đến ngày 09/01/2020 X và D trả 50.000.000 đồng; ngày 20/4/2020 trả tiếp 20.000.000 đồng.

Cùng thời điểm trên chị Phạm Thị D đang điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện QH qua nói chuyện với chị H, chị D biết chị H đang nhờ X xin việc cho cháu Điều, đang trong thời gian chờ kết quả, chị D nhờ chị H giới thiệu và xin số điện thoại của X. Chị D gọi điện thoại trao đổi nhờ X xin việc làm cho con gái là Ngô Thị D, tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán Trường Đại học Hồng Đức, X nhận

lời xin cho cháu D vào làm Kế toán tại các trường học ở huyện QS với chi phí 180.000.000 đồng, ngoài ra X còn giới thiệu có em trai tên H làm việc tại Ủy ban nhân dân huyện QS, nên mới có thể xin được, nếu muốn nhanh thì đem tiền và hồ sơ đến để đặt cọc. Chị D bàn với chồng là Ngô Gia T, vợ chồng đã thống nhất nhờ X xin việc cho cháu D.

Chiều ngày 09/6/2015 vợ chồng anh Thê, chị D đem theo tiền và hồ sơ xin việc của cháu D, sử dụng xe ô tô của gia đình do Ngô X T là con trai điều khiển, nhờ chị H Thị H đi cùng để dẫn đường đến nhà Hà Văn X ở thôn NB, xã NÁ, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. Khoảng hơn 16 giờ ngày 09/6/2015 tại nhà ở của Hà Văn X, anh T, chị D trực tiếp nói chuyện đặt vấn đề nhờ X xin việc làm cho cháu D như nội D đã điện thoại từ trước, còn Lương Thị D sau khi chào hỏi nói chuyện xã giao thì đi xuống bếp nấu cơm cho gia đình. Sau khi đã thống nhất chị D và anh T giao cho X một bộ hồ sơ mang tên Ngô Thị D, cùng với số tiền 100.000.000đ. X là người nhận hồ sơ và kiểm tra tài liệu trong hồ sơ, còn anh T là người viết giấy theo sự hướng dẫn của Hà Văn X với nội D ông Ngô Gia T cho chị Lương Thị D vay tiền để giải quyết công việc gia đình, Sau khi viết xong giấy, anh T gọi chị D lên cùng với chị D kiểm đếm và ký tên vào giấy vay tiền. Quá trình trao đổi xin việc làm; giao nhận hồ sơ; giao nhận tiền có sự chứng kiến của anh T, chị D, chị H, còn anh T đã ra xe nằm nên không được chứng kiến. Không xin được việc làm cho Ngô Thị D, anh T, chị D nhiều lần đòi lại tiền và hồ sơ của D nhưng X không trả, đến ngày 27/6/2019 anh T làm đơn tố cáo Hành vi của Hà Văn X gửi đến Cơ quan điều tra Công an huyện NL. Ngày 29/3/2020 Lương Thị D và Hà Văn X đến nhà trả cho vợ chồng anh T, Chị D số tiền là số tiền 90.000.000 đồng, thỏa thuận xin lại 10.000.000 đồng, được anh T chị D đồng ý. Sau đó X yêu cầu anh T viết Giấy nhận tiền và Giấy đề nghị rút đơn, đề ngày 15/3/2020; anh T không biết lý do hỏi lại thì X bảo cứ viết theo ý của X. Do lo sợ không lấy lại được tiền, nên anh T buộc phải viết giấy theo ý chỉ của X. Ngày 30/3/2020 Lương Thị D giao nộp cho Cơ quan điều tra (Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu lập hồi 09 giờ 40 phút ngày 30/3/2020). Biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2020 Lương Thị D xác nhận việc trả tiền cho vợ chồng anh T là ngày 29/3/2020, trước ngày giao nộp tài liệu cho Cơ quan điều tra 01 ngày.

Quá trình điều tra bị can Hà Văn X phủ nhận toàn bộ nội D tố giác, X khai chưa từng trao đổi, nhận tiền, tài sản hay bất kỳ tài liệu, hồ sơ gì từ anh T, chị D; việc vay tiền giữa Lương Thị D với vợ chồng anh T ngày 09/6/2015 là quan hệ dân sự; không có mặt X ở nhà; X không biết vợ vay tiền từ khi nào; sử dụng vào mục đích gì và X không có liên quan.

Tuy nhiên các Biên bản ghi lời khai của cơ quan điều tra đối với Lương Thị D khai nhận trước đó chưa biết, không trao đổi điện thoại, không đặt vấn đề vay tiền; Chiều ngày 09/6/2015 là lần đầu tiên vợ chồng anh T đến nhà, đi bằng phương tiện ô tô. Khi vợ chồng anh T, chị D chị H con anh T đến nhà có mặt cả X, D và hai người con nhỏ đang có mặt ở nhà; mọi người ngồi nói chuyện với X tại phòng khách một lúc thì con anh T ra xe, D xuống bếp nấu cơm nên không biết trao đổi chuyện gì. Anh T là người viết 02 tờ giấy nhận tiền có nội D giống nhau, sau khi D ký giấy nhận tiền chị D là người giao cho D 100.000.000 đồng

tại phòng ngủ bên cạnh phòng khách, lúc giao tiền X ngồi ngoài không vào phòng ngủ. Bản tự khai ngày 24/6/2020 chị D xác định anh T, chị D, chị H ngồi nói chuyện với chồng là Hà Văn X tại phòng khách, D xuống bếp nấu cơm; đang nấu thì anh T gọi lên để ký giấy nhận tiền, sau khi nhận tiền đưa về phòng ngủ của vợ chồng để cất.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa chị Hà Thị H khai nhận: Chị là người giới thiệu Hà Văn X cho chị D, anh T; Chiều ngày 09/6/2015 chị đi cùng anh T, chị D, và anh T, để dẫn đường đến nhà X vì chị đã được đến trước đó nhờ xin việc cho cháu Đ; tới nơi gặp và nói chuyện với vợ chồng X tại phòng khách về việc xin việc cho cháu D, sau khi nói chuyện chị được chứng kiến chị D giao cho X bộ hồ sơ, X trực tiếp kiểm tra, anh T viết giấy giao cho X 100.000.000 đồng đưa X nhưng X không ký, bảo ghi tên vợ là Lương Thị D ký. Sau khi Hà Văn X không xin được việc cho cháu Đ và cháu D chị đã cùng với vợ chồng anh T đòi nợ X rất nhiều lần, nhưng X cũng không trả lại tiền, nên trong các cuộc điện thoại nói chuyện với Hà Văn X chị đã ghi âm lại các cuộc trao đổi về xin việc và đòi nợ, chị đã giao nộp cho Công an huyện NL các phai ghi âm các cuộc trao đổi điện thoại với Hà Văn X. Chị Khăng định Hà Văn X là người nhận hồ sơ và tiền của chị và vợ chồng ông T, bà D để xin việc cho cháu Hà Văn Đ và cháu Ngô Thị D. Sau khi Hà Văn X trả tiền cho chị thì Hà Văn X đã lấy lại các giấy nhận tiền của chị và đã xé bỏ giấy đi, nên chị không còn chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

Ngô Xuân T khai chiều 09/6/2015 lái xe đưa bố, mẹ và chị H đến nhà X, mục đích xin việc làm cho em gái Ngô Thị D, sau khi vào phòng khách nhà X ngồi nói chuyện khoảng 10 phút thì ra xe nằm, không được chứng kiến việc bố mẹ giao tiền và hồ sơ.

Ngô Thị D khai: Tốt nghiệp khoa kế toán trường Đại học Hồng Đức năm 2014, có nghe bố mẹ nói là đang nhờ X xin việc làm kế toán tại trường học ở QS. Sáng 09/6/2015 đưa cho bố: Bằng cử nhân kế toán, Chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học bản gốc, để bố đi làm hồ sơ, còn D đi xin Giấy khám sức khỏe tại Bệnh viện đa khoa huyện QH, về đưa cho bố bỏ vào hồ sơ xin việc.

Lời khai của anh Ngô Gia T, chị Phạm Thị D đều xác nhận ngày 09/6/2020, nhờ chị H dẫn đường đến nhà X để đưa tiền đặt cọc và hồ sơ xin việc cho cháu D. Đây là lần đầu tiên được gặp trực tiếp Hà Văn X và Lương Thị D, trước đó chưa từng quen biết. Việc giao 100.000.000 đồng và một bộ hồ sơ với mục đích nhờ X xin việc làm cho con gái là Ngô Thị D, Hà Văn X còn hứa hẹn từ khi nộp hồ sơ cho đến khi có quyết định đi làm là khoảng 03 tháng, nên khi nhận tiền mới viết là hẹn đến 30/9/2015 sẽ trả. Nếu Hà Văn X không hứa hẹn xin việc cho cháu D thì không thể mang tiền đến nhà một người không quen biết để cho vay.

Ngày 06/01/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện NL đã khám xét nơi ở của Hà Văn X tại thôn NB, xã NẤ, phát hiện, thu giữ một bộ hồ sơ xin việc mang tên Ngô Thị D gồm:

- Bằng cử nhân kế toán, số 818514 mang tên Ngô Thị D (bản gốc)

- Chúng chỉ tin học, số AM-971 mang tên Ngô Thị D (bản gốc).
- Chúng chỉ ngoại ngữ, số AM-291 mang tên Ngô Thị D (bản gốc).
- Giấy khám sức khỏe mang tên Ngô Thị D, do Bệnh viện đa khoa huyện QH cấp ngày 09/6/2020.
- Bản sao Giấy khai sinh số 45 mang tên Ngô Thị D
- Bản phô tô, có chứng thực đề ngày 09/6/2015, Bằng cử nhân kế toán, số 818514 mang tên Ngô Thị D.
- Bản phô tô, có chứng thực đề ngày 09/6/2015 Chứng chỉ tin học, số AM-971 mang tên Ngô Thị D.
- Bản phô tô, có chứng thực đề ngày 09/6/2015 Chứng chỉ ngoại ngữ số AM-291 mang tên Ngô Thị D.
- Bản phô tô, có chứng thực đề ngày 09/6/2015 Sổ hộ khẩu số 42 tên chủ hộ Ngô Gia T.

Các tài liệu hồ sơ cơ quan điều tra thu giữ qua khám xét nơi ở của Hà Văn X phù hợp với nội D tố cáo của người bị hại.

Quá trình điều tra Công an Huyện NL còn thu giữ các File ghi âm các cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa H Thị H với Hà Văn X, Lương Thị D. Đã giám định giọng nói, chuyển hóa thành tài liệu dạng văn bản. Nội D chủ yếu là X khát ngày trả tiền, đề nghị chị H không tố cáo đến cơ quan điều tra, đừng khai X nhận tiền chạy việc mà cứ khai là vay tiền. Nếu khai ra còn liên lụy đến chị H vì là người giới thiệu cho chị D, anh T.

Theo tố giác của Phạm Thị M (địa chỉ xã LP, huyện Lc): Ngày 17/4/2015 chị M cùng với anh trai là Phạm Văn L đến nhà giao cho X 100.000.000 đồng.(Lương Thị D là người viết giấy vay tiền của M). Để nhờ X xin cho làm nhân viên ở các trường học trên địa bàn huyện NL, X cam kết khoảng tháng 10/2015, M sẽ có quyết định và nhận công tác; chi phí hết 120.000.000 đồng. Sau đó X điện thoại cho M nói đưa nốt 20.000.000 đồng để ký quyết định. Ngày 17/5/2015 Phạm Văn L đến giao cho X 20.000.000 đồng X là người viết giấy nhận tiền. Không xin được việc làm nên X đã trả lại cho M 25.000.000 đồng còn lại 95.000.000 đồng.

Đối với Lương Thị D ký giấy nhận tiền, biết có hồ sơ xin việc trong nhà và cũng là người gọi điện, trực tiếp thương lượng với người tố giác để rút đơn tố cáo Hà Văn X. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định D không biết rõ thời điểm X hứa hẹn với gia đình anh T để nhận tiền, thời điểm D ký giấy nhận tiền thì hành vi phạm tội của X đã hoàn thành. Nên không đủ căn cứ để xử lý Lương Thị D với vai trò là đồng phạm trong vụ án.

Đối với tố giác của H Thị H và Phạm Thị M. Quá trình điều tra chưa có đủ chứng cứ để xử lý đối với Hà Văn X nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện NL tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Vật chứng của vụ án: Qua trình điều tra, thu giữ vật chứng gồm:

- Bảng cử nhân kế toán, số 818514 mang tên Ngô Thị D (bản gốc); Chứng chỉ tin học, số AM-971 mang tên Ngô Thị D (bản gốc) và chỉ ngoại ngữ, số AM-291 mang tên Ngô Thị D (bản gốc). Đã trả lại cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

- Giấy khám sức khỏe, bản sao chứng thực Giấy khai sinh, Bảng cử nhân kế toán, Chứng chỉ tin học, Chứng chỉ ngoại ngữ mang tên Ngô Thị D và Bản sao chứng thực Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Ngô Gia T. Được đánh số bút lục. Các thẻ nhớ chứa File ghi âm, Cơ qua điều tra đã giám định giọng nói, chuyển hóa tHnh tài liệu dạng văn bản, được niêm phong, chuyển theo hồ sơ vụ án.

- 06 Cuốn băng các-xét; 01 Máy ghi âm nhãn hiệu JVJ; DVR-400 theo biên bản niêm phong lập hồi 12 giờ 30 phút ngày 06/01/2020 xác định không phải vật chứng của vụ án nên đã trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 67/CSĐT ngày 02/7/2020; Biên bản trả lại tài sản, đồ vật ngày 02/7/2020.

- Các tài liệu thu giữ qua khám xét, được Thống kê, kèm theo Biên bản mở niêm phong hồi 09 giờ 00 phút ngày 06/02/2020. Có dấu hiệu của vụ án khác, Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra xác minh, đủ căn cứ xử lý sau.

Phân dân sự: Ngày 29/3/2020 Lương Thị D và Hà Văn X đến nhà trả cho vợ chồng anh T, được anh Thẻ chị D đồng ý viết giấy, ký nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng. Nên xác nhận X đã thực hiện xong nghĩa vụ dân sự.

Tại bản cáo trạng số 31 ngày 19/10/2020. Viện kiểm sát nhân dân huyện NL truy tố Hà Văn X về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên nội D bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt Hà Văn X từ 38 đến 42 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo và buộc bị cáo chịu án phí theo pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo quanh co chối tội, bị cáo khai chưa từng trao đổi, nhận tiền, tài sản hay bất kỳ tài liệu, hồ sơ gì từ anh T, chị D; việc vay tiền giữa Lương Thị D với vợ chồng anh T ngày 09/6/2015 là quan hệ dân sự; không có mặt X ở nhà; X không biết vợ vay tiền từ khi nào; sử dụng vào mục đích gì và X không có liên quan, không phạm tội

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Hà Văn X không đồng ý với cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Hà Văn X về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Hà Văn X không có hành vi gian dối, không chiếm đoạt tiền của ông T, bà D, Theo giấy vay tiền chị Lương Thị D là người ký nhận, không liên quan đến bị cáo Hà Văn X, việc vay tiền của anh T, chị D là quan hệ dân sự và chị D đã trả cho anh T, chị D. Trong quá trình điều tra có nhiều vi phạm tố tụng, cáo trạng và kết luận điều tra không ghi nhân thân của bị cáo, đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung các nội dung vi phạm tố tụng và bổ sung nhân thân của bị cáo trong cáo trạng và kết luận điều tra và khẳng định bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa người bị hại và những người làm chứng có mặt trình bày phù hợp với nội D bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố Hà Văn X, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và ban hành các văn bản, quyết định tố tụng đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật.

[2]. Về căn cứ định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ đơn tố cáo của anh Ngô Gia T và hồ sơ của Ngô Thị D thu giữ tại nhà của Hà Văn X và căn cứ lời khai của những người làm chứng là chị Ngân Thị L, chị H Thị H, chị Lương Thị D, giấy nhận tiền, giấy khát nợ và các phai ghi âm trao đổi điện thoại giữa chị H Thị H và bị cáo Hà Văn X đủ cơ sở xác định: Năm 2015 Hà Văn X công tác tại Công an huyện NL, Hà Văn X không được giao nhiệm vụ tuyển dụng cán bộ công chức, nhưng Hà Văn X lại nhận hồ sơ xin việc của Ngô Thị D và số tiền 100.000.000đ của anh Ngô Gia T, chị Phạm Thị D và hứa hẹn sẽ xin việc cho Ngô Thị D vào làm kế toán tại trường học tại huyện QS. Hà Văn X không xin việc cho Ngô Thị D, nhưng cũng không trả lại tiền và hồ sơ cho anh Ngô Gia T, nên ngày 27/6/2019 anh Ngô Gia T đã tố cáo hành vi của Hà Văn X đến Công an huyện NL. hành vi của Hà Văn X đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện NL truy tố bị cáo Hà Văn X là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Để pháp luật được tôn trọng và duy trì trật tự, an toàn xã hội và đấu tranh phòng ngừa tội phạm, nhất là tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đang diễn biến phức tạp ở địa phương, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật Hình sự và tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi bị khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bị cáo đã trả lại số tiền đã nhận của anh T, chị D để khắc phục hậu quả. Trước khi phạm tội bị cáo công tác trong ngành Công an được Chủ tịch nước tặng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang hạng 3 và hạng 2 và nhiều giấy khen bằng khen. Bị cáo có bố được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Bị cáo không thành khẩn khai báo mà quanh

co chối tội, nên cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

[6]. Về phần dân sự: Người bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên công nhận bị cáo đã thực hiện xong phần bồi thường.

[7]. Về vật chứng: Số vật chứng đã trả lại chủ sở hữu phù hợp với pháp luật. Đối với các vật chứng đang lưu trữ theo hồ sơ thì tiếp tục lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn X phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ vào: Điểm e khoản 2 Điều 139; các điểm b, khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Hà Văn X.

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn X 38 (Ba mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/9/2020.

Về phần dân sự: Công nhận bị cáo đã thực hiện xong phần bồi thường.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án gồm: Giấy khám sức khỏe; Bản sao Giấy khai sinh; Các bản phô tô, có chứng thực Bằng cử nhân kế toán; Chứng chỉ tin học; Chứng chỉ ngoại ngữ mang tên Ngô Thị D và Bản phô tô, có chứng thực Sổ hộ khẩu chủ hộ Ngô Gia T và các thẻ nhớ chứa File ghi âm, được niêm phong trong phong bì công văn Bộ Công an.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hà Văn X phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt bị cáo và những người bị hại. Bị cáo và những người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 13/01/2021.

Nơi nhận:

- VKSND huyện NL;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện NL;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Công an huyện NL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện NL;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện NL;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Công an huyện NL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê X Vinh

